BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT III

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Lớp : Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Hữu	Thiện	3672050413	13/09/1993	5,80	1,50	2,80	
2	Trần Đức	Đạt	3672050427	09/03/1994	2,40	,00	,70	
3	Nguyễn Đình	Minh	3672050429	02/02/1992	6,30	2,60	3,70	
4	Huỳnh Trọng	Thắng	3672050433	24/08/1994	7,30	5,40	6,00	
5	Mai Ngọc	Sơn	3672050438	06/02/1994	6,80	2,90	4,10	
6	Trần Hoàng	Cung	3672050466	16/10/1994	,00	,00	,00	CT
7	Nguyễn Văn	Trung	3672050476	05/06/1994	6,60	3,60	4,50	
8	Nguyễn Đình	Duy	3672050548	01/01/1993	5,30	2,60	3,40	
9	Nguyễn Văn	Thịnh	3672050555	14/02/1994	2,80	,00	,80	
10	Nguyễn Chí	Thanh	3672050643	20/11/1994	,00	,00	,00	
11	Đỗ Văn	Chung	3672050644	20/08/1994	4,50	,00	1,40	
12	Dương Vĩnh	Nam	3672050645	14/04/1994	3,50	,00	1,10	
13	Võ Lữ Thanh	Phong	3672050649	14/12/1992	6,40	3,10	4,10	
14	Nguyễn Tấn	Tài	3672050651	07/12/1994	5,70	3,20	4,00	
15	Lê Văn	Hậu	3672050691	23/07/1994	7,70	4,40	5,40	
16	Nguyễn Ngọc	Tươi	3672050697	07/11/1994	4,10	,00	1,20	
17	Cao Thành	Hiệp	3672050704	01/08/1993	,00	,00	,00	
18	Lê Công	Tòan	3672050723	15/01/1994	7,80	3,50	4,80	
19	Vũ Ngọc	Duy	3672050724	12/01/1994	2,50	3,10	2,90	
20	Nguyễn Thanh	Hùng	3672050744	07/01/1994	,00	,00	,00	CT
21	Khâu Trung	Can	3672050753	02/11/1993	,00	,00	,00	CT
22	Phan Thanh	Long	3672050800	25/05/1994	7,10	4,00	4,90	
23	Trần Quang	Trung	3672050805	10/01/1994	,00	,00	,00	CT
24	Lê Tuấn	Trung	3672050827	28/02/1994	,00	,00	,00	CT
25	Nông Văn	Phi	3672050842	10/06/1994	,00	,00	,00	CT
26	Trương Minh	Hoàng	3672050863	09/02/1994	2,50	,00	,80	
27	Nguyễn Ngọc	Duy	3672050889	13/09/1994	,00	,00	,00	CT
28	Nguyễn Đình	Tuân	3672050891	23/09/1993	5,20	4,00	4,40	
29	Võ Văn	Kiệt	3672050917	20/06/1994	8,50	5,30	6,30	
30	Hạ Quang	Đức	3672050926	24/10/1993	5,00	3,80	4,20	
31	Nguyễn Tấn	Tài	3672050942	08/07/1994	4,50	,00	1,40	
32	Trần Bá	Thịnh	3672050962	09/03/1994	8,00	6,60	7,00	
33	Võ Văn	Tuấn	3672050974	01/06/1993	5,90	2,00	3,20	
34	Mai Đỗ	Nghĩa	3672050981	24/07/1994	4,00	,00	1,20	
35	Trần Văn	Thùy	3672050988	07/02/1994	8,20	,00	2,50	

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản | STC : 2(30,0,0,0,0,0) | Lần thi : 2

Lớp : | Năm học : 2012-2013 | Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Hoàng	Tùng	3672051021	22/04/1994	9,20	,00	2,80	
37	Phạm Quốc	Pháp	3672051056	30/03/1992	2,00	,00	,60	
38	Nguyễn Thành	Tâm	3672051061	27/05/1994	,00	,00	,00	CT
39	Huỳnh Minh	Cảnh	3672051081	21/12/1994	,00	,00	,00	CT
40	Phạm Văn	Trung	3672051082	16/10/1993	,00	,00	,00	CT
41	Ngô Việt	Đức	3672051098	14/11/1994	7,30	5,00	5,70	
42	Nguyễn Minh	Chinh	3672051216	14/02/1994	2,00	,00	,60	
43	Trần Văn	Hùng	3672051266	21/01/1994	,00	,00	,00	
44	Trần Quốc	Toàn	3672051271	08/02/1994	8,10	5,60	6,40	
45	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994	7,60	3,40	4,70	
46	Nguyễn Thế	Bá	3672051455	12/10/1993	5,80	,00	1,70	
47	Nguyễn Minh	Lực	3672051474	12/12/1994	7,10	5,80	6,20	
48	Đặng Văn	Thiện	3672051480	20/10/1993	4,30	5,50	5,10	
49	Trần Thanh	Quyết	3672051530	29/06/1993	8,00	4,80	5,80	
50	Võ Công	Phúc	3672051541	12/04/1994	,00	,00	,00	
51	Bùi Công	Tuấn	3672051573	05/09/1994	7,40	5,00	5,70	
52	Lê Đặng Hoài	Phương	3672051600	16/08/1994	4,50	2,70	3,20	
53	Phạm Nhật	Thảo	3672051610	20/10/1994	4,10	4,10	4,10	
54	Trần Đức	Huy	3672051651	15/07/1993	,00	,00	,00	CT
55	Trần Thanh	Đạt	3672051664	13/07/1994	3,20	2,70	2,90	
56	Lâm Châu	Minh	3672051668	14/04/1994	,00	,00	,00	
57	Nguyễn Hoàng	An	3672051674	24/06/1994	,00	,00	,00	CT
58	Trần Bình	Trọng	3672051854	15/05/1994	8,10	3,90	5,20	
59	Đoàn Văn	Thành	3672051868	05/08/1993	7,00	6,10	6,40	
60	Nguyễn Văn	Thuận	3672051961	14/03/1993	4,60	4,70	4,70	
61	Trương Đăng	Triều	3672051973	29/09/1994	6,00	4,40	4,90	
62	Hoàng Duy	Tân	3672052001	18/01/1994	3,40	2,40	2,70	
63	Nguyễn Bảo	Linh	3672052002	14/02/1994	3,80	2,30	2,80	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)